

BÁO CÁO

Tổng kết thực hiện Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 08/02/2022 giai đoạn 2022 - 2025 và đề xuất xây dựng Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2026 - 2030

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Công văn số 14484/BTC-DNTN ngày 16/9/2025 của Bộ Tài chính về việc tổng kết thực hiện Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 08/02/2022 về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2022 - 2025 (gọi tắt là Chương trình) và đề xuất xây dựng Chương trình giai đoạn 2026 - 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long báo cáo kết quả thực hiện Chương trình như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP KHU VỰC TƯ NHÂN KINH DOANH BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2022 - 2025

I. CÔNG TÁC BAN HÀNH CÁC VĂN BẢN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 167/QĐ-TTg NGÀY 08/02/2022 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Thực hiện Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 08/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương và tổ chức hiệp hội khẩn trương xây dựng kế hoạch, ban hành văn bản hướng dẫn, triển khai nhiều hoạt động nhằm cụ thể hóa các mục tiêu của Chương trình¹.

Các văn bản tập trung vào việc định hướng doanh nghiệp tiếp cận kinh doanh bền vững, xây dựng các chính sách ưu đãi, tổ chức hội nghị, hội thảo và triển khai các hoạt động truyền thông; đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh cũng chỉ đạo các sở, ngành, địa phương lồng ghép các nội dung về thực hiện “Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022 - 2025” hàng năm vào các kế hoạch triển khai thực hiện của đơn vị mình².

¹ UBND tỉnh Trà Vinh (cũ) đã ban hành Quyết định số 756/QĐ-UBND ngày 21/4/2022 về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện “Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022-2025” trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

² Bến Tre: Nghị Quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Quy định mức chi thực hiện các nhiệm vụ của địa phương thuộc Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa đến năm 2030; Kế hoạch số 6667/KH-UBND ngày 18/10/2022 triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn tỉnh Bến Tre đến năm 2030; Kế hoạch số 840/KH-UBND ngày 11/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc thực hiện Chương trình Đồng Khởi khởi nghiệp và Phát

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 167/QĐ-TTg NGÀY 08/02/2022 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. Về thực hiện mục tiêu tổng quát

Trong giai đoạn qua, Chương trình đã được Ủy ban nhân dân tỉnh lồng ghép với nhiều hoạt động của các sở, ngành, đơn vị và đã đạt được thành công đáng kể trong việc nâng cao nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp về kinh doanh bền vững; qua các hội thảo, diễn đàn và tài liệu hướng dẫn, nhiều doanh nghiệp đã bắt đầu hiểu rõ hơn về lợi ích của việc áp dụng các tiêu chuẩn bền vững, từ đó thúc đẩy sự thay đổi trong tư duy và hành động tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận các nguồn lực cần thiết để chuyển đổi phát triển góp phần xây dựng một hệ sinh thái hợp tác mạnh mẽ, nơi các doanh nghiệp có thể chia sẻ kinh nghiệm và cùng nhau phát triển.

Thúc đẩy liên kết sản xuất và tiêu thụ, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, phát huy thế mạnh địa phương góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập, và nâng cao doanh thu cho các doanh nghiệp khu vực tư nhân.

Ngoài ra, tỉnh cũng đã triển khai, hướng dẫn, thực hiện tốt các cơ chế, chính sách của Trung ương và của tỉnh³. Thường xuyên thực hiện rà soát, đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong các lĩnh vực, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình hoạt động kinh doanh.

2. Về thực hiện mục tiêu cụ thể (đến năm 2025)

Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022 - 2025 được triển khai với hệ thống mục tiêu cụ thể nhằm thúc đẩy sự chuyển dịch từ tăng trưởng theo chiều rộng sang tăng trưởng theo chiều sâu, bảo đảm hiệu quả kinh tế song song với trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường.

Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 24/9/2025, trên địa bàn tỉnh có 6.936 doanh

triển doanh nghiệp tỉnh Bến Tre năm 2024; Kế hoạch số 706/KH-UBND ngày 06/2/2025 về thực hiện Chương trình Đồng Khởi khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp tỉnh Bến Tre năm 2025.

Vĩnh Long: Kế hoạch số 304/KH-SKHĐT-ĐKKD ngày 10/02/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long năm 2022; Kế hoạch số 236/KH-SKHĐT-ĐKKD ngày 01/02/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long năm 2023; Kế hoạch số 252/KH-SKHĐT-ĐKKD ngày 22/01/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long năm 2024; Kế hoạch phát động phong trào thi đua nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2024 – 2030 (Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 20/9/2024).

Trà Vinh: Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 29/6/2024 quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2030.

³ Thông tư số 13/2023/TT-BKHĐT ngày 12/12/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn cơ chế tổ chức thực hiện “Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2022-2025” ban hành kèm theo Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 08/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 09/2025/TT-BTC ngày 28/02/2025 của Bộ Tài chính về hướng dẫn cơ chế quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện “Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2022-2025” ban hành kèm theo Quyết định 167/QĐ-TTg ngày 08/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

ng nghiệp thành lập mới với số vốn 49.985,259 tỷ đồng. Số lượng doanh nghiệp được thành lập mới khá nhiều, nhưng phần lớn các doanh nghiệp chỉ dừng ở mức tiếp cận ban đầu như: nâng cao nhận thức, tham gia đào tạo, tập huấn, cải thiện một phần quy trình quản lý. Việc chuyển hóa nhận thức thành hành động cụ thể, hiệu quả và có chiều sâu vẫn còn là một thách thức, đặc biệt với doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ.

Nhiều doanh nghiệp đã tiếp cận các chương trình hỗ trợ, từ đó hình thành những mô hình kinh doanh điển hình, có tác động lan tỏa. Một số kết quả bước đầu đóng góp vào mục tiêu quốc gia về tiết kiệm năng lượng, nâng cao năng suất lao động và phát triển kinh tế xanh, tiết kiệm năng lượng, nâng cao năng suất lao động vào chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

Hàng năm, Cục Thuế tỉnh Bến Tre (cũ) đều có văn bản triển khai kế hoạch đến các Chi cục Thuế trực thuộc để rà soát, đánh giá hiện trạng hoạt động kinh doanh của các hộ kinh doanh trên địa bàn từng huyện, thành phố, từ đó lập danh sách các hộ kinh doanh có doanh thu lớn, số thuế nộp tốt đủ điều kiện về vốn, lao động để vận động, hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển lên doanh nghiệp. Lũy kế đến năm 2025, đã tổ chức tuyên truyền, vận động 890 lượt hộ kinh doanh chuyển lên doanh nghiệp.

3. Tổng kết, đánh giá thực hiện các nội dung của Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 08/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ

3.1. Bộ công cụ đánh giá mô hình kinh doanh bền vững

Bộ công cụ đánh giá mô hình kinh doanh bền vững là giải pháp quan trọng giúp doanh nghiệp từng bước thúc đẩy quá trình chuyển đổi xanh, phát triển bền vững, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Qua quá trình triển khai thực hiện, bước đầu đã áp dụng tại một số lĩnh vực, hỗ trợ doanh nghiệp tự đánh giá và điều chỉnh chiến lược cho phù hợp với từng ngành lĩnh vực.

Trong thời gian qua, tỉnh đã hỗ trợ xây dựng bộ công cụ hướng dẫn chuẩn hóa quy trình, tiêu chuẩn sản phẩm OCOP cho 10 sản phẩm, hỗ trợ 90.000 tem nhãn truy xuất nguồn gốc cho các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

3.2. Phát triển hệ sinh thái hỗ trợ kinh doanh bền vững

3.2.1. Nâng cao nhận thức và kết nối thúc đẩy kinh doanh bền vững

Công tác truyền thông thúc đẩy kinh doanh bền vững ngày càng đi vào chiều sâu, tập trung chủ yếu vào hoạt động đổi mới sáng tạo gắn chuyển đổi số và chuyển đổi xanh đã góp phần đưa hoạt động chương trình đi vào thực chất, hiệu quả, thúc đẩy tinh thần phát triển doanh nghiệp của mọi tầng lớp Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp.

Thông qua các hình thức tuyên truyền như các hội nghị, các buổi sinh hoạt tại tổ/nhóm, câu lạc bộ, các phương tiện thông tin truyền thông, mạng xã hội;

các sở, ngành, địa phương xây dựng các tin, bài, chuyên mục, phóng sự giới thiệu tuyên truyền về Chương trình, in ấn tài liệu, ấn phẩm hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân bền vững⁴.

Các doanh nghiệp trong tỉnh đã dần quan tâm đến việc phát triển sản phẩm, thương hiệu, các sản phẩm được sản xuất ngày càng có chất lượng hơn, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng, không chỉ tiêu thụ trong nước mà còn xuất khẩu đến nhiều nước trên thế giới. Trong giai đoạn từ năm 2022 đến nay, tỉnh đã hỗ trợ 26 cơ sở, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, 05 cơ sở công nghiệp nông thôn thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói, 06 cơ sở đăng ký nhãn hiệu hàng hóa với tổng kinh phí là 5,912 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, đã hỗ trợ cho 01 doanh nghiệp phát triển website thương mại điện tử; hỗ trợ chữ ký số cho 20 doanh nghiệp; hỗ trợ 01 doanh nghiệp tạo mã QR truy xuất nguồn gốc; hỗ trợ 02 doanh nghiệp có sản phẩm chủ lực đạt OCOP 4 hoặc 5 sao tham gia sàn Alibaba.com. Một trong những điểm sáng là tỉnh đã xây dựng và vận hành sàn giao dịch thương mại điện tử nhằm hướng tới đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và khai thác kinh doanh trên môi trường mạng với sự tham gia của 1.320 cá nhân, cơ sở, doanh nghiệp và 4.584 sản phẩm. Đây là công cụ quan trọng giúp doanh nghiệp địa phương mở rộng thị trường và tiếp cận khách hàng nhanh chóng.

Tỉnh đã tổ chức 158 sự kiện với 27.050 lượt người tham dự với nhiều chủ đề, nội dung phong phú, các hội thảo, tọa đàm đã lan tỏa tinh thần trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc gắn lợi ích kinh tế với phát triển bền vững; 66 cuộc hội nghị đối thoại, tập huấn nhằm hỗ trợ, giải đáp những vướng mắc của người nộp thuế trong việc thực hiện các chính sách pháp luật thuế, các thủ tục hành chính về thuế theo hình thức trực tuyến và trực tiếp.

3.2.2. Về tổ chức đào tạo bồi dưỡng công chức, viên chức làm công tác hỗ trợ, quản lý về kinh doanh bền vững

Công tác đào tạo bồi dưỡng công chức, viên chức làm công tác hỗ trợ, quản lý về kinh doanh bền vững bước đầu đã đáp ứng được nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới về công tác hỗ trợ doanh nghiệp phát triển kinh tế bền vững. Giai đoạn 2022 - 2025, tỉnh đã tổ chức 15 lớp tập huấn hội nhập quốc tế với hơn 3.563 lượt

⁴ Tài liệu tuyên truyền Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; In ấn 360 quyển sổ tay OCOP, 700 quyển tài liệu Chương trình OCOP, và 550 quyển tài liệu tuyên truyền; biên soạn, phát hành 1.500 tài liệu về sản xuất sạch và tiết kiệm năng lượng. Thực hiện 03 phóng sự phát trên Đài Phát thanh - Truyền hình Vĩnh Long; đăng tải trên Báo điện tử Vĩnh Long 1.621 tin, bài và 1.154 ảnh phản ánh các hoạt động đối ngoại của tỉnh và cả nước; đồng thời, phát sóng trên Đài Phát thanh Truyền hình Vĩnh Long 2.145 tin, 683 bài phóng vấn trong các chương trình thời sự, chuyên đề, chuyên mục có nội dung liên quan đến thông tin đối ngoại và hội nhập; treo 1.000 băng rôn tại siêu thị, chợ, cửa hàng tiện ích, thực hiện 03 chuyên mục truyền hình - phát thanh về sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng. Thực hiện công tác tuyên truyền các chính sách thuế mới đến người nộp thuế đầy đủ, kịp thời qua các kênh thông tin như: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Vĩnh Long (26 tin, bài); Báo Vĩnh Long (238 tin, bài); Đài phát thanh truyền hình Vĩnh Long (94 tin, phóng sự); Báo và Đài phát thanh truyền hình Vĩnh Long (04 bản tin, phóng sự); Trang thông tin điện tử ngành Thuế (510 tin, bài); Zalo Cục thuế (223 tin, bài);

đại biểu tham dự đã tạo diễn đàn trao đổi kiến thức, kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về xu thế kinh doanh bền vững; 16 lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về năng suất chất lượng cho công chức, viên chức của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc hệ thống hành chính nhà nước, các cán bộ lãnh đạo, quản lý và người lao động của các doanh nghiệp; 53 lớp tập huấn về hệ thống quản lý chất lượng cho công chức các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã.

3.2.3. Thúc đẩy nguồn tài chính cho kinh doanh bền vững

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã và đang chỉ đạo các ngân hàng thương mại triển khai các gói tín dụng ưu đãi cho các dự án đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo, công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng, xử lý chất thải, nông nghiệp hữu cơ và các hoạt động sản xuất kinh doanh thân thiện với môi trường. Doanh nghiệp có các dự án đáp ứng tiêu chí “xanh” sẽ được hưởng lãi suất ưu đãi, thời hạn vay dài hơn và quy trình thẩm định thuận lợi hơn.

Theo đó, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 14 đã tổ chức triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh đến các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long về cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững; chương trình, chính sách cho vay ưu đãi đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa; giải pháp ổn định lãi suất tiền gửi, giảm lãi suất cho vay, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng,... nhằm đẩy mạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn tỉnh. Đến tháng 8/2025, số doanh nghiệp nhỏ và vừa còn dư nợ là 2.409 doanh nghiệp với tổng dư nợ 20.652 tỷ đồng.

Nhiều quỹ đã được thành lập, hoạt động dưới sự bảo trợ của Chính phủ hoặc hợp tác công - tư (PPP), cung cấp các khoản tài trợ, vốn mạo hiểm, hoặc bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp khởi nghiệp xanh, các dự án đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực kinh doanh bền vững, hoặc hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện các chương trình cải tiến sản xuất theo hướng bền vững⁵.

3.2.4. Xây dựng mạng lưới chuyên gia tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững

Các cơ quan, đơn vị thường xuyên tổ chức làm việc, liên kết, hợp tác với đội ngũ chuyên gia, cố vấn khởi nghiệp theo từng lĩnh vực; mở rộng mạng lưới cố vấn khởi nghiệp qua các hoạt động kết nối hỗ trợ, thúc đẩy phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo⁶, gắn kết vai trò, phát huy hoạt động của các Hội, Hiệp hội trên địa bàn tỉnh.

⁵ Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Trà Vinh (cũ), Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Vĩnh Long (cũ).

⁶ Một số đối tác như: Quỹ Khởi nghiệp Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Hội doanh nghiệp hàng Việt Nam chất lượng cao; Trường Đại học Nguyễn Tất Thành; Đại học Quốc gia TP. HCM; Trung tâm nghiên cứu kinh doanh và hỗ trợ doanh nghiệp (BSA); Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam;...

Các hoạt động liên kết, hợp tác được quan tâm thực hiện, tỉnh đã chủ động tham gia vào các mối liên kết vùng đồng bằng sông Cửu Long, liên kết phát triển các sản phẩm dịch vụ du lịch với tỉnh Tiền Giang - Trà Vinh - Vĩnh Long, liên kết sáng tạo ABCD Mekong (An Giang - Bến Tre - Cần Thơ - Đồng Tháp) và đặc biệt là liên kết hợp tác với Thành phố Hồ Chí Minh⁷... chia sẻ, phát huy lợi thế và khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của mỗi địa phương, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và giới thiệu, quảng bá sản phẩm của doanh nghiệp, địa phương.

Song song đó, tỉnh tiếp tục tăng cường huy động nguồn lực trong liên kết hợp tác với các địa phương khác trong khu vực để khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh về kinh tế biển, nhất là trong lĩnh vực hạ tầng giao thông thủy/bộ, logistics, du lịch, năng lượng sạch, chế biến thủy sản, khai thác cảng biển,...; thông qua các hoạt động liên kết, hệ thống hạ tầng giao thông của tỉnh được đầu tư xây dựng, nâng cấp đã hoàn thiện và hình thành mạng lưới giao thông theo quy hoạch, đóng góp quan trọng trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tạo điều kiện thuận lợi trong các hoạt động thúc đẩy liên kết vùng, kết nối giao thương và thu hút nguồn lực đầu tư.

Tăng cường hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học trong nghiên cứu khoa học, thử nghiệm công nghệ; đẩy mạnh kết nối cung cầu công nghệ để giới thiệu các thành tựu khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo. Tranh thủ tối đa sự hợp tác của Viện - Trường, các chương trình nhiệm vụ khoa học cấp quốc gia, từng bước thiết lập cơ sở dữ liệu khoa học công nghệ của tỉnh, kết nối kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và cộng đồng khoa học mở trong và ngoài nước. Tỉnh đã thực hiện ký kết Chương trình hợp tác giai đoạn 2025 - 2030 giữa Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (UEH) và Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long⁸.

Trường Đại học Trà Vinh thực hiện ký kết thỏa thuận hợp tác với Công ty Cổ phần Giáo dục Quốc tế Sun Edu, Faraday-tech trong lĩnh vực đào tạo vi mạch bán dẫn, tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội cọ sát với thực tế, gắn kết

⁷ Phối hợp Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức thành công Hội nghị tổng kết Chương trình hợp tác phát triển KTXH và ký kết các thỏa thuận hợp tác kết nối chung giữa Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2025, với 06 lĩnh vực trọng tâm như: Phát triển hạ tầng giao thông; phát triển du lịch; kết nối cung - cầu, xúc tiến đầu tư - thương mại; hợp tác thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển khoa học công nghệ, chuyển đổi số; phát triển lĩnh vực giáo dục, y tế, đào tạo nguồn nhân lực.

⁸ Hợp tác về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực: Phối hợp đào tạo trình độ sau đại học; đại học hệ chính quy, văn bằng 2, vừa làm vừa học và đào tạo ngắn hạn, tập huấn bồi dưỡng kiến thức kỹ năng cho cán bộ, quản lý, phân tích và thực thi chính sách ở các cấp chính quyền địa phương và các cơ quan quản lý liên quan. Hợp tác về nghiên cứu phát triển: Phối hợp thực hiện các nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Hợp tác tư vấn về chính sách: Phối hợp đề xuất, thực thi, triển khai và đánh giá hiệu quả các chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; kiến nghị Trung ương các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Hợp tác về phản biện chính sách: Phối hợp tham gia và phản biện các chính sách do Đảng và Chính phủ ban hành liên quan đến tỉnh Vĩnh Long; các chính sách do địa phương ban hành nhằm giải quyết các vấn đề của địa phương; các chính sách và các chương trình nghiên cứu do các tổ chức, cá nhân khác đề xuất, thực hiện liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

giữa học lý thuyết, thực nghiệm với các hoạt động sản xuất, kinh doanh thực tế tại các doanh nghiệp, hướng đến phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành công nghiệp vi mạch bán dẫn. Năm 2024, nhà trường tuyển mới 350 sinh viên thuộc các nhóm ngành công nghệ thông tin, kỹ thuật điện - điện tử và tự động hóa, trong đó khoảng 10% sẽ được định hướng chuyên sâu theo ngành Thiết kế vi mạch bán dẫn.

Ngoài ra, tỉnh còn phối hợp các cơ quan, đơn vị, Viện, Trường, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh tổ chức Diễn đàn Mekong về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số lần thứ I, các lớp đào tạo trí tuệ nhân tạo, hội thảo chuyên ngành về vi mạch, bán dẫn,...

3.3. Hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững

3.3.1. Hỗ trợ về tư vấn

Tăng cường công tác tư vấn, giới thiệu việc làm thông qua các hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến, phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương, cụ thể: Thông qua sàn giao dịch việc làm, phiên giao dịch việc làm,... tại Trung tâm dịch vụ việc làm và các huyện trên địa bàn tỉnh hoặc thông qua các mạng xã hội để kết nối việc làm cho người lao động. Gắn kết chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp bảo đảm cung cấp đủ lao động đã qua đào tạo phù hợp với yêu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp.

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tăng cường công tác gắn kết với doanh nghiệp để xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo theo hướng tăng thời gian và thời lượng thực hành, thực tập tại các doanh nghiệp; phối hợp với các doanh nghiệp trong việc giáo dục ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, thái độ làm việc, tác phong công nghiệp cho học sinh, sinh viên giúp nâng cao chất lượng đào tạo và tăng cơ hội việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp, đồng thời đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng hóa của thị trường lao động.

Hoạt động hỗ trợ vốn trên địa bàn tỉnh phát triển an toàn, ổn định, đáp ứng đầy đủ kịp thời nhu cầu tín dụng phục vụ sản xuất kinh doanh. Các chính sách hỗ trợ khách hàng⁹ được triển khai quyết liệt, có trách nhiệm; đồng thời, chủ động tham mưu thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt nhằm thúc đẩy chuyển đổi số, hướng đến tài chính toàn diện, góp phần đẩy lùi “tín dụng đen”. Mạng lưới ngân hàng được mở rộng, các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng phát triển ngày càng đa dạng để kịp thời đáp ứng nhu cầu của khách hàng, nâng cao khả năng tiếp cận vốn của người dân, doanh nghiệp.

Triển khai đánh giá năng lực điều hành cấp sở, ban, ngành và địa phương thuộc tỉnh (DDCI) qua các năm để đánh giá hiệu quả triển khai của các đơn vị, tìm ra hạn chế, nguyên nhân và có giải pháp chấn chỉnh, khắc phục tồn tại, góp

⁹ Hỗ trợ lãi suất theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP, Nghị định số 36/2022/NĐ-CP, cơ cấu nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư số 02/2023/TT-NHNN, miễn/giảm tiền phí dịch vụ...

phần nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh chung của tỉnh. Xây dựng ứng dụng quản lý thông tin dữ liệu các khu, cụm công nghiệp trên nền tảng bản đồ số 4D; dữ liệu hiện trạng khu vực/vị trí dự án mời gọi đầu tư trên toàn tỉnh.

3.3.2. Hỗ trợ về công nghệ

Hoạt động khuyến công đã thực hiện hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn ứng dụng, đổi mới công nghệ, mở rộng phát triển sản xuất, tập huấn nâng cao năng lực quản lý cho các cơ sở công nghiệp nông thôn,... giúp các doanh nghiệp đầu tư ứng dụng công nghệ mới, hiện đại nhằm nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm; quan tâm cải thiện, phát triển điều kiện sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường¹⁰.

Các ngành, các cấp đã tập trung triển khai xây dựng mô hình “Chợ thanh toán không dùng tiền mặt”, “Ngày không tiền mặt 16/6”, “Tuyên phổ thanh toán không dùng tiền mặt”. Hầu hết các sản phẩm đặc trưng của tỉnh đều được đưa lên sàn thương mại điện tử; các sản phẩm OCOP được xúc tiến quảng bá thương hiệu nền tảng thương mại điện tử; các sản phẩm chủ lực của các xã nông thôn mới nâng cao được kinh doanh qua kênh thương mại điện tử.

Hỗ trợ đưa thông tin quảng bá giới thiệu cho 84 sản phẩm OCOP lên các trang thông tin điện tử *ketnoiocop.vn* và *ocopvietnam.gov.vn*; phần mềm kế toán, quản lý sản xuất, thương mại điện tử cho các hợp tác xã.

Triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số (Chương trình SMEdx) đến các doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh trong tỉnh, có 39,13% doanh nghiệp tiếp cận, tham gia Chương trình. Có khoảng 150¹¹ doanh nghiệp kinh doanh lĩnh vực công nghệ thông tin, hầu hết là doanh nghiệp nhỏ, kinh doanh các sản phẩm phần cứng (máy tính, máy in, các linh kiện điện tử,...), một số doanh nghiệp sản xuất gia công, cung cấp sản phẩm, dịch vụ phần mềm, và nội dung số nhưng quy mô còn nhỏ lẻ, số lượng lao động ít.

Trong giai đoạn 2022 - 2025, tiềm lực khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo được củng cố và tăng cường; đến nay, tỉnh có 06 tổ chức ương tạo, hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, trong đó có 05 tổ chức thuộc cơ sở giáo dục và 01 tổ chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lập và 14 doanh nghiệp khoa học và công nghệ đang hoạt động. Doanh nghiệp khoa học công nghệ không chỉ là cầu nối đưa nhanh các nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ chuyển giao vào sản xuất mà còn đóng vai trò như một lực lượng sản xuất chủ lực, tạo ra những sản phẩm có giá trị gia tăng cao, đóng góp cho việc xây dựng và phát

¹⁰ Giai đoạn 2021-2025, Bến Tre (cũ) đã thực hiện hỗ trợ cho 76 cơ sở công nghiệp nông thôn trong ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất với kinh phí hỗ trợ thực hiện 18.972 triệu đồng. Trà Vinh (cũ) hỗ trợ cho 43 cơ sở công nghiệp nông thôn đầu tư máy móc thiết bị tiên tiến vào trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng kinh phí đầu tư là 13.207 triệu đồng. Vĩnh Long (cũ) Triển khai 32 đề án hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến với kinh phí gần 7.221 triệu đồng.

¹¹ Trà Vinh: 74, Bến Tre: 55, Vĩnh Long: 21.

triển nền kinh tế xã hội của tỉnh. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ với vai trò nghiên cứu và phát triển góp phần thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế - xã hội. Đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ 44 tổ chức (hoạt động trong các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, triển khai thực nghiệm; dịch vụ khoa học và công nghệ; kinh tế - xã hội; công nghệ sinh học). Đa số các tổ chức, doanh nghiệp đang hoạt động theo đúng các lĩnh vực được cấp phép, tích cực tham gia các hoạt động nghiên cứu trong và ngoài tỉnh.

3.3.3. Hỗ trợ về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường

Các hoạt động xúc tiến thương mại thị trường nước ngoài thông qua các kênh: Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia, Bộ Ngoại giao,... bước đầu đem lại hiệu quả thiết thực; nhiều đơn hàng, hợp đồng được ký kết và nhiều lô hàng như dừa uống nước, bưởi,... đã được xuất khẩu đến thị trường các nước, tạo tiền đề cho sự phát triển thị trường sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh và mở ra hướng kết nối giao thương giữa doanh nghiệp địa phương với các nhà nhập khẩu lớn, tạo hiệu quả lan tỏa, tăng động lực, phần khởi mới cho các doanh nghiệp trong tiến trình hội nhập, phát triển thị trường.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và triển khai nhiều kế hoạch quan trọng, gồm: Kế hoạch thực hiện Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện Khu vực (RCEP); Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 24/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch thực hiện Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA); Kế hoạch thực hiện Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA); Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030; Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 05/7/2023 của Chính phủ về nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh và bền vững giai đoạn 2023 - 2030.

Công tác thông tin thị trường và tuyên truyền đã triển khai hơn 3.000 lượt văn bản liên quan đến thị trường, hội nhập FTA, phòng vệ thương mại, tình hình xuất nhập khẩu của các nước... đến các sở, ngành và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức 20 phiên chợ hàng Việt về nông thôn (60 gian hàng/phiên, doanh thu 550 - 600 triệu đồng, trên 5.000 lượt khách/phiên). Tổ chức 10 hội chợ cấp tỉnh, 02 hội chợ cấp quốc gia, 02 hội chợ Festival; tổ chức 05 chợ khởi nghiệp (hơn 200 sản phẩm), có phiên Livestream bán hàng trên TikTok với 900 đơn hàng, doanh thu hơn 315 triệu đồng. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia 152 hội chợ ngoài tỉnh và 65 cuộc kết nối cung cầu với 865 lượt doanh nghiệp, 1.224 sản phẩm. Tổng kinh phí thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại khoảng trên 10 tỷ đồng.

Thường xuyên hỗ trợ, cung cấp thông tin về các cuộc hội chợ trong và ngoài tỉnh đến các doanh nghiệp trong tỉnh để các doanh nghiệp đăng ký tham gia. Với tiêu chí nâng tầm tham gia các hội chợ trong nước, tỉnh đã xây dựng kế hoạch từng năm, xác định và chọn lựa hội chợ phù hợp với nhu cầu của doanh

ngiệp, lựa chọn hội chợ thuộc chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại; hội chợ cấp tỉnh ở các địa phương; hội chợ có quy mô cấp vùng nhằm hỗ trợ các sản phẩm chủ lực, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm OCOP của tỉnh tìm kiếm đối tác, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm và mang lại hiệu quả sau tham gia. Kết quả, đã hỗ trợ cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia 152 hội chợ ngoài tỉnh, mỗi hội chợ tham gia từ 02 - 06 gian hàng trưng bày trên 45 loại sản phẩm chủ yếu là sản phẩm đặc trưng, nông sản, sản phẩm chế biến từ cây trồng, sản phẩm OCOP của các cơ sở, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, tổng kinh phí thực hiện là 8.592.172.790 đồng.

Nhằm giúp các doanh nghiệp có năng lực cung ứng trong tỉnh tìm được đối tác mới, cung cấp sản phẩm, hàng hóa chất lượng đến người tiêu dùng tại các thị trường mới, các tỉnh/thành phố trên cả nước. Tỉnh đã tổ chức 05 hội nghị kết nối cung cầu tại tỉnh Vĩnh Long, trong đó có 01 hội nghị do Sở Công Thương phối hợp với Vụ Thị trường trong nước - Bộ Công Thương thực hiện vào ngày 20/11/2024, kết quả tại Hội nghị các doanh nghiệp tham gia đã tích cực gặp gỡ, trao đổi, giới thiệu sản phẩm với các nhà phân phối, kết quả có hơn 200 lượt tiếp xúc và 60 Biên bản ghi nhớ hợp tác được ký kết tại Hội nghị; đồng thời, còn hỗ trợ cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia 65 cuộc kết nối cung cầu hàng hóa tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm có 865 lượt doanh nghiệp tham gia với 1.224 loại sản phẩm. Qua các cuộc kết nối, các cơ sở, doanh nghiệp, HTX có dịp trao đổi, thỏa thuận hợp tác, làm đại lý phân phối các sản phẩm OCOP, đặc sản, từng bước rút ngắn thời gian đưa sản phẩm đặc trưng các tỉnh đến tay người tiêu dùng, tổng kinh phí thực hiện là 2.152.392 đồng.

3.3.4. Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu cho doanh nghiệp

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho doanh nghiệp, cộng đồng khởi nghiệp được đổi mới, hiệu quả thiết thực dựa vào nhu cầu học viên/doanh nghiệp gắn với thực hành, ngoại khóa để nâng cao chất lượng.

Trong giai đoạn 2022 - 2025, tỉnh đã tổ chức các lớp tập huấn về chuyển đổi số, nâng cao năng lực quản lý trong sản xuất kinh doanh, nhằm cung cấp thông tin, kiến thức và giới thiệu các giải pháp giúp các doanh nghiệp nâng cao năng lực quản lý, có kế hoạch nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và dịch vụ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh¹²; tổ chức 253 lớp đào tạo, bồi dưỡng với 17.329 lượt học viên tham gia, tập trung trang bị kiến thức về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành

¹² Bến Tre (cũ) tổ chức 01 hội thảo nâng cao năng suất, chất lượng trong sản xuất; 01 hội thảo chuyên đề về mô hình tài chính cho cơ sở công nghiệp nông thôn phát triển ngành dừa; 10 lớp tập huấn nâng cao chất lượng sản phẩm thông qua áp dụng sản xuất sạch hơn và an toàn thực phẩm cho các cơ sở nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh. Vĩnh Long (cũ) Thực hiện 03 đề án tổ chức hội nghị, tập huấn nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp đối với cơ sở công nghiệp nông thôn với gần 300 học viên, kinh phí thực hiện khoảng 81 triệu đồng. Trà Vinh (cũ) đã tổ chức 03 lớp tập huấn khởi sự doanh nghiệp và nâng cao năng lực cho 111 học viên có ý tưởng khởi nghiệp, nâng cao kiến thức quản lý điều hành cho chủ doanh nghiệp. Tổng kinh phí thực hiện từ nguồn khuyến công địa phương là 61.788.942 đồng.

cho lãnh đạo doanh nghiệp, thương mại điện tử, hội nhập quốc tế, khởi sự kinh doanh, cập nhật các kiến thức về thuế hỗ trợ doanh nghiệp phát triển từ cơ bản đến nâng cao; vận dụng hình thức đào tạo từ trực tiếp, trực tuyến hoặc tư vấn hỗ trợ cho từng doanh nghiệp; tổ chức 41 lớp tập huấn các kiến thức về sản phẩm OCOP với 1.194 lượt học viên tham dự.

Tổ chức 03 Chương trình ươm tạo khởi nghiệp đổi mới sáng tạo từ năm 2022 - 2024 với 106 dự án, ý tưởng khởi nghiệp tham dự.

3.3.5. Nội dung hỗ trợ khác

Công tác hội nhập kinh tế quốc tế và tận dụng các hiệp định thương mại tạo đà để thúc đẩy giao thương và xuất khẩu của tỉnh được triển khai thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm. Hàng năm, tỉnh tổ chức, giới thiệu và làm đầu mối cho các doanh nghiệp tham gia các diễn đàn, hội thảo, khảo sát thị trường, hội chợ triển lãm trong và ngoài nước nhằm tìm kiếm cơ hội mở rộng thị trường; đồng thời, hoàn thiện và phát triển hệ thống thông tin thị trường, ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thu thập và cung cấp thông tin chuyên sâu về thị trường trong nước và quốc tế.

Thành lập Ban Chỉ đạo Hội nhập quốc tế về kinh tế tỉnh Vĩnh Long, xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo; đồng thời, tỉnh cũng đã chủ động nghiên cứu để xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 153/NQ-CP ngày 31/5/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động triển khai Nghị quyết số 59-NQ/TW.

3.4. Tình hình thu hút, triển khai nguồn lực

Ngân sách tỉnh bước đầu đã bố trí một khoản kinh phí để triển khai các chương trình đào tạo, tập huấn về kinh doanh bền vững cho doanh nghiệp liên quan đến tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu, sản xuất và tiêu dùng bền vững; thiết lập quan hệ hợp tác với một số tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp trong nước và quốc tế. Một số doanh nghiệp lớn trên địa bàn đã chủ động đầu tư vào các dự án bền vững, không chỉ để tuân thủ quy định mà còn để nâng cao hình ảnh và hiệu quả kinh doanh gắn với kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh.

Nhiều chương trình mục tiêu quốc gia và đề án về phát triển bền vững, tăng trưởng xanh, tiêu dùng bền vững được lồng ghép triển khai vào các hoạt động của sở, ngành và địa phương. Các doanh nghiệp đã áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế (ISO, HACCP,...) từng bước đưa sản phẩm của doanh nghiệp mình hội nhập với thị trường quốc tế.

4. Đánh giá chung

4.1. Kết quả đạt được

Trong bối cảnh thế giới đang chứng kiến những biến đổi sâu sắc về kinh tế, xã hội và môi trường, phát triển bền vững đã trở thành một xu hướng tất yếu, là

kim chỉ nam cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Sau hơn 04 năm triển khai, Chương trình đã ghi nhận những bước tiến quan trọng, góp phần định hình lại tư duy kinh doanh và thúc đẩy các doanh nghiệp tư nhân trên hành trình hướng tới sự phát triển bền vững.

Nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong các ngành có tác động môi trường và xã hội lớn như dệt may, sản xuất, nông nghiệp, đã bắt đầu xem xét các yếu tố bền vững như một phần không thể thiếu trong chiến lược kinh doanh dài hạn, chứ không chỉ đơn thuần là tuân thủ quy định pháp luật. Sự thay đổi này được thể hiện rõ nét qua việc nhiều doanh nghiệp chủ động tìm kiếm thông tin về các mô hình kinh doanh xanh, lao động có trách nhiệm và quản trị doanh nghiệp minh bạch.

Thông qua các hội thảo, tọa đàm, các khóa đào tạo chuyên sâu và các chiến dịch truyền thông trên nhiều phương tiện đại chúng, các doanh nghiệp tư nhân đã dần hiểu rõ hơn về các khái niệm cốt lõi của phát triển bền vững, bao gồm ba trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường.

Hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh đạt nhiều kết quả tích cực. Các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ được triển khai hiệu quả, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp.

Hoạt động đổi mới sáng tạo hiện vẫn còn là lĩnh vực tương đối mới đối với nhiều tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh. Nhận thức và sự tham gia của các doanh nghiệp trong việc tiếp cận và khai thác hiệu quả các chính sách hỗ trợ đổi mới sáng tạo còn hạn chế, dẫn đến tình trạng nguồn vốn ngân sách nhà nước bố trí cho hoạt động này chưa thực sự thu hút được sự quan tâm, đặc biệt là từ khu vực doanh nghiệp. Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo từng bước hình thành với nhiều hoạt động kết nối, đào tạo, ươm tạo ý tưởng và hỗ trợ khởi nghiệp.

4.2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Mặc dù đã đạt được những kết quả tích cực, hành trình hướng tới kinh doanh bền vững của khu vực tư nhân Việt Nam vẫn còn đối mặt với nhiều thách thức. Nhận thức về lợi ích lâu dài của kinh doanh bền vững chưa thật sự thấm sâu vào mọi cấp độ quản lý của một bộ phận doanh nghiệp. Nguồn lực tài chính, kỹ thuật và nhân lực cho các hoạt động bền vững còn hạn chế, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Bên cạnh đó, việc thiếu vắng một khung pháp lý đồng bộ và cơ chế khuyến khích đủ mạnh mẽ cũng là những rào cản.

Chi phí đầu tư ban đầu cho các công nghệ xanh, quy trình sản xuất bền vững còn cao, vượt quá khả năng tài chính của nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa. Việc tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi cho đầu tư xanh còn gặp nhiều rào cản.

Một số quy định liên quan đến môi trường, lao động, xã hội còn chậm được cập nhật, chưa theo kịp xu thế phát triển bền vững toàn cầu. Các cơ chế khuyến khích, ưu đãi cho doanh nghiệp kinh doanh bền vững chưa đủ hấp dẫn và chưa

tiếp cận được hết các đối tượng doanh nghiệp.

Thực trạng phát triển công nghệ cao, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ còn hạn chế cả về số lượng lẫn phạm vi hoạt động. Mức độ đóng góp của khoa học và công nghệ vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương chưa cao. Việc đổi mới công nghệ chưa được các doanh nghiệp quan tâm đúng mức, nguyên nhân một phần là do doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đa số có quy mô nhỏ và siêu nhỏ, dẫn đến năng lực cạnh tranh còn thấp. Sự gắn kết chưa chặt chẽ giữa các tổ chức khoa học và công nghệ với doanh nghiệp và các cơ sở giáo dục đại học. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập còn thiếu tự chủ trong hoạt động, phụ thuộc vào cơ chế hỗ trợ của nhà nước là chủ yếu.

Nhận thức về năng suất chất lượng tại một số doanh nghiệp chưa đầy đủ. Phần lớn doanh nghiệp tỉnh có quy mô hoạt động nhỏ và vừa, một số doanh nghiệp chỉ thực hiện gia công sản phẩm theo yêu cầu khách hàng nên chưa mạnh dạn tham gia Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng.

4.3. Bài học kinh nghiệm

Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, khắc phục tình trạng trì trệ trong thực hiện nhiệm vụ, chống bệnh quan liêu, hình thức, tạo chuyển biến rõ nét trong từng ngành, lĩnh vực. Tích cực đổi mới, sáng tạo trong triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển bền vững khu vực tư nhân.

Chuẩn bị, phân bổ nguồn lực đầu tư có trọng tâm, trọng điểm; kết hợp chặt chẽ, đồng bộ và hài hòa các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh để bảo đảm sự phát triển bền vững. Phát triển bền vững khu vực tư nhân phải gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh để tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Phải coi trọng phát triển kinh tế gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, xã hội, môi trường.

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ KINH DOANH BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển các mô hình kinh doanh bền vững phù hợp với chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã cam kết.

2. Huy động đồng bộ các chính sách hỗ trợ, nguồn lực hiện có của Nhà nước và xã hội để thực hiện, giúp khẳng định vai trò, đóng góp của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh kinh doanh bền vững trong kỷ nguyên mới.

3. Tôn trọng các nguyên tắc tổ chức hoạt động cơ bản về tính tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, phát huy nội lực của kinh tế tư nhân kinh doanh bền vững.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tăng cường xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, khát vọng sánh vai cùng cả nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; huy động mọi nguồn lực, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; phát triển nông nghiệp hiện đại, đạt chuẩn và thích ứng với biến đổi khí hậu, công nghiệp chế biến, chế tạo và năng lượng mới; triển khai thực hiện hiệu quả, đồng bộ thể chế phát triển văn hoá quốc gia.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

Phát triển nông nghiệp thích ứng biến đổi khí hậu, hướng tới sản xuất tuần hoàn, sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm phát thải, sản xuất hữu cơ nơi có thể.

Đổi mới tư duy, thống nhất cao về nhận thức và hành động, khơi dậy niềm tin, khát vọng của cả hệ thống chính trị, các thành phần kinh tế và Nhân dân, tạo xung lực mới, khí thế mới để phát triển kinh tế tư nhân.

Chuyển đổi nông nghiệp theo hướng sản xuất sạch, hữu cơ, sinh thái, phát triển nông nghiệp công nghệ cao; tăng cường công nghiệp chế biến sâu sản phẩm nông - thủy sản; phát triển công nghiệp hỗ trợ phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Xây dựng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp phát triển bền vững, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong các lĩnh vực sản xuất sạch, năng lượng tái tạo và xử lý chất thải.

Đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng chính sách, bảo đảm và bảo vệ hữu hiệu quyền sở hữu, quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh, quyền cạnh tranh bình đẳng của kinh tế tư nhân.

Thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh doanh hiệu quả, bền vững trong kinh tế tư nhân.

Hình thành và phát triển nhanh các doanh nghiệp lớn và vừa, các tập đoàn kinh tế tư nhân tầm cỡ khu vực. Hỗ trợ thực chất, hiệu quả doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh.

III. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi: Chương trình thực hiện trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2026 - 2030.

2. Đối tượng

Các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh khu vực tư nhân thực hiện kinh doanh bền vững.

Các tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững: Viện nghiên cứu, trường đại học, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp, tổ chức có tư cách pháp nhân thực hiện hoạt động hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp kinh doanh bền vững.

Các sở, ban, ngành; tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan; tổ chức hiệp hội được giao nhiệm vụ

thực hiện hoạt động của Chương trình.

IV. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP

Căn cứ vào tình hình của từng lĩnh vực, địa bàn quản lý đưa ra đề xuất hỗ trợ khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2026 - 2030 theo các nội dung sau:

1. Rà soát, đánh giá, định hướng cho các doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2026 - 2030

Tăng cường chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ 4.0, khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp tư nhân chuyển đổi số trong sản xuất, quản trị và marketing. Áp dụng công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), internet vạn vật (IoT), và tự động hóa để tăng hiệu quả sản xuất và quản lý. Hỗ trợ các doanh nghiệp áp dụng các nền tảng thương mại điện tử để mở rộng thị trường trong và ngoài nước, nâng cao năng lực cạnh tranh và tiếp cận khách hàng mới.

Phát triển kinh tế xanh và bền vững, đẩy mạnh phát triển nông nghiệp hữu cơ và chế biến thực phẩm xanh, xây dựng các chuỗi cung ứng nông sản hữu cơ, áp dụng tiêu chuẩn sản xuất sạch (Organic, GlobalGAP) và phát triển các sản phẩm chế biến có giá trị gia tăng, thân thiện với môi trường, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo, đặc biệt là điện mặt trời, điện gió, nhằm giảm chi phí năng lượng và bảo vệ môi trường.

Phát triển các chuỗi giá trị khép kín, từ sản xuất nguyên liệu đến chế biến và tiêu thụ, nhằm gia tăng giá trị nông sản, thủy sản và các sản phẩm đặc trưng của tỉnh, khuyến khích sự hợp tác giữa doanh nghiệp tư nhân với các cơ quan chính quyền địa phương, tổ chức xã hội và các đối tác quốc tế để triển khai các dự án phát triển bền vững.

Tổ chức các khóa đào tạo về kỹ năng lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp, giao tiếp, đào tạo nghề chất lượng cao, đặc biệt trong các lĩnh vực như công nghệ thông tin, kỹ thuật nông nghiệp, chế biến thực phẩm, và quản lý bền vững để tăng cường năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp tư nhân.

2. Đánh giá tính khả thi mở rộng phạm vi hỗ trợ kinh doanh bền vững đối với hợp tác xã, hộ kinh doanh

Tổ chức các khóa đào tạo và tập huấn về sản xuất sạch, nông nghiệp hữu cơ, chế biến thực phẩm bền vững và ứng dụng công nghệ xanh cho hợp tác xã và hộ kinh doanh; xây dựng các chính sách hỗ trợ chuyển đổi từ nông nghiệp truyền thống sang hữu cơ, áp dụng tiêu chuẩn GlobalGAP, VietGAP, nhằm nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm.

Thành lập các quỹ tín dụng ưu đãi cho hợp tác xã và hộ kinh doanh đầu tư vào các dự án phát triển bền vững như năng lượng tái tạo, chế biến nông sản sạch, sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường. Xây dựng các chương trình

tín dụng linh hoạt hỗ trợ các hợp tác xã và hộ kinh doanh tiếp cận vốn vay với lãi suất thấp và các điều kiện dễ dàng hơn, đặc biệt là các dự án sản xuất, chế biến bền vững.

Hỗ trợ hợp tác xã, hộ kinh doanh trong việc xây dựng chiến lược tiêu thụ sản phẩm thông qua các kênh phân phối trực tuyến, siêu thị, và các chợ đầu mối trong nước và quốc tế nhằm xây dựng chiến lược tiêu thụ sản phẩm.

3. Đề xuất các hoạt động hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thực hiện kinh doanh bền vững tại lĩnh vực, địa bàn quản lý

Tổ chức các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp và hợp tác xã trong việc xây dựng, triển khai các chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm bền vững. Phối hợp tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại, giới thiệu sản phẩm bền vững tại các hội chợ quốc tế, kết nối doanh nghiệp, hợp tác xã với các đối tác trong nước và quốc tế để mở rộng thị trường tiêu thụ.

Giới thiệu và hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh trong việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về sản phẩm hữu cơ (GlobalGAP, VietGAP, USDA Organic) hoặc chứng nhận sản phẩm sạch, sản phẩm bền vững.

Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh trong việc nghiên cứu và ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp, chế biến thực phẩm, thủy sản sạch, nhằm giảm tác động xấu đến môi trường và nâng cao hiệu quả kinh tế.

Tạo môi trường pháp lý thông thoáng để các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh dễ dàng áp dụng các mô hình sản xuất bền vững, từ nông nghiệp hữu cơ đến công nghiệp chế biến sạch.

4. Đề xuất các mô hình, công cụ mới, sáng tạo hỗ trợ phát triển bền vững phù hợp với bối cảnh đất nước và hội nhập quốc tế (ứng dụng công nghệ block chain, truy xuất nguồn gốc, nhãn xanh, tích xanh trách nhiệm,...)

Tận dụng các cơ hội từ các FTA để thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm bền vững, đạt chuẩn quốc tế và đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, phát triển sản phẩm có nhãn xanh nhằm thúc đẩy kết nối và hợp tác quốc tế.

Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sử dụng blockchain để ghi lại mọi thông tin về sản phẩm, từ vùng trồng, quy trình sản xuất đến kiểm tra và kiểm định sản phẩm, giúp đảm bảo các yêu cầu về chất lượng và tiêu chuẩn bền vững.

Phát triển bộ chỉ số và công cụ đánh giá trách nhiệm xã hội và môi trường của doanh nghiệp, bao gồm việc giảm thiểu khí thải carbon, giảm chất thải, sử dụng năng lượng tái tạo, bảo vệ quyền lợi người lao động và cộng đồng.

Phát triển các nền tảng trực tuyến hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh chuyển đổi số, tiếp cận công nghệ mới, từ đó gia tăng năng lực cạnh tranh và tính bền vững.

5. Đề xuất phương thức tuyên truyền, phổ biến, đào tạo bồi dưỡng cho các đối tượng thực hiện kinh doanh bền vững (như phối hợp với các doanh nghiệp đầu chuỗi để đào tạo, tập huấn cho các doanh nghiệp trong chuỗi giá trị bền vững...)

Sử dụng các nền tảng truyền thông đại chúng: Tổ chức các chiến dịch truyền thông trên các phương tiện truyền hình, báo chí, mạng xã hội và các nền tảng kỹ thuật số để phổ biến các kiến thức, lợi ích và chính sách hỗ trợ kinh doanh bền vững.

Tổ chức các hội nghị, tọa đàm, diễn đàn về phát triển bền vững, trong đó mời các chuyên gia, doanh nghiệp và các bên liên quan chia sẻ kinh nghiệm, câu chuyện thành công và các mô hình thực tế.

Thành lập các nhóm, câu lạc bộ hoặc mạng lưới doanh nghiệp bền vững tại các địa phương, giúp các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có thể trao đổi kinh nghiệm, giải pháp và thách thức trong việc triển khai mô hình kinh doanh bền vững.

Tổ chức hội nghị quốc tế về phát triển bền vững: Tạo cơ hội để doanh nghiệp trong nước kết nối với các tổ chức quốc tế, các nhà đầu tư, các chuyên gia trong lĩnh vực bền vững thông qua các hội nghị, hội thảo quốc tế. Những sự kiện này có thể cung cấp kiến thức, kinh nghiệm và cơ hội hợp tác quốc tế; thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước tham gia vào các mạng lưới doanh nghiệp quốc tế về phát triển bền vững, giúp họ học hỏi từ các mô hình thành công, tiếp cận các cơ hội tài trợ quốc tế và các hợp tác chiến lược.

6. Đề xuất các hoạt động, công cụ tài chính hỗ trợ doanh nghiệp phát triển bền vững (các sản phẩm tài chính xanh, trái phiếu xanh,...)

Xây dựng các khóa đào tạo về phát triển bền vững, sản xuất sạch và công nghệ xanh dành cho lãnh đạo doanh nghiệp và nhân viên. Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ xây dựng kế hoạch chuyển đổi sang mô hình sản xuất xanh thông qua các chương trình tư vấn miễn phí hoặc chi phí thấp.

Tạo ra các ưu đãi thuế cho doanh nghiệp áp dụng công nghệ sạch, sản phẩm xanh và các sáng kiến phát triển bền vững, chẳng hạn như miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp áp dụng mô hình kinh doanh xanh.

Xây dựng các chính sách thu hút đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực năng lượng tái tạo, công nghệ sạch và sản phẩm xanh, giúp doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận các nguồn vốn và công nghệ tiên tiến.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí bao gồm

1.1. Kinh phí ngoài ngân sách nhà nước: Vốn xã hội hóa từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước, các quỹ đầu tư mạo hiểm, các tổ chức phi Chính phủ, Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Vĩnh Long.

1.2. Kinh phí thuộc ngân sách nhà nước Trung ương và địa phương (vốn chi thường xuyên)

Hỗ trợ một phần cho các hoạt động về:

Phát triển hệ sinh thái hỗ trợ kinh doanh bền vững: xây dựng tài liệu, tổ chức phổ biến thông tin, truyền thông; bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, trình độ đội ngũ công chức, viên chức làm công tác hỗ trợ, quản lý về kinh doanh bền vững; xây dựng mạng lưới chuyên gia tư vấn; hội nghị, hội thảo, tọa đàm chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và thực tiễn tốt về các mô hình kinh doanh bền vững; các giải pháp, công cụ đo lường; đánh giá và công nhận doanh nghiệp kinh doanh bền vững; kết nối doanh nghiệp thực hiện kinh doanh bền vững với các tổ chức tín dụng, nhà đầu tư; kết nối các tổ chức, chuyên gia, doanh nghiệp thành công điển hình trong nước và quốc tế;

Hỗ trợ các doanh nghiệp kinh doanh bền vững: doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh bền vững được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo định mức hỗ trợ cao nhất quy định tại Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các Nghị định hướng dẫn Luật.

Không quá 10% tổng kinh phí ngân sách Nhà nước hỗ trợ thực hiện Chương trình cho hoạt động quản lý Chương trình.

Các hoạt động khác sử dụng nguồn kinh phí xã hội hoá.

Ngân sách Trung ương bố trí cho các hoạt động của Chương trình do các bộ, cơ quan Trung ương thực hiện. Ngân sách địa phương bố trí cho các hoạt động của Chương trình do địa phương thực hiện.

2. Nguyên tắc sử dụng kinh phí

a) Việc huy động, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí đóng góp, tài trợ và các nguồn tài chính hợp pháp khác của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia Chương trình, các quỹ đầu tư trong nước, nước ngoài để thực hiện Chương trình phải tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành. Trong đó, kinh phí tài trợ cho các hoạt động của Chương trình được sử dụng theo thỏa thuận với nhà tài trợ (nếu có), hoặc theo quy định của Chương trình và các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình (trường hợp không có thỏa thuận với nhà tài trợ).

b) Việc lập, chấp hành và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước hỗ trợ thực hiện Chương trình theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Chính phủ, các văn bản hướng dẫn thi hành và văn bản pháp luật liên quan, đảm bảo thiết thực, hiệu quả, khả thi, tiết kiệm và lồng ghép tối đa vào các chương trình khác có mục tiêu phù hợp với Chương trình.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài chính

Xây dựng chiến lược phát triển bền vững tỉnh Vĩnh Long, định hướng các doanh nghiệp trong tỉnh thực hiện sản xuất và kinh doanh theo mô hình bền vững. Tạo cơ chế hỗ trợ các mô hình hợp tác công - tư (PPP) trong các lĩnh vực hạ tầng bền vững như xử lý chất thải, tái chế, nông nghiệp bền vững, và phát triển năng lượng tái tạo.

Phối hợp với ngân hàng và tổ chức tài chính triển khai các gói tín dụng ưu đãi cho các doanh nghiệp đầu tư vào các công nghệ và mô hình kinh doanh bền vững.

Hướng dẫn các doanh nghiệp về các cơ chế tín dụng ưu đãi, quỹ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong việc thực hiện các dự án sản xuất sạch, năng lượng tái tạo và xử lý chất thải.

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 23/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 23/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2. Sở Công Thương

Thúc đẩy các ngành công nghiệp xanh, như sản xuất sạch, công nghệ sản xuất ít carbon, năng lượng tái tạo và công nghiệp tái chế. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào các ngành công nghiệp bền vững, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất và chế biến nông sản sạch, thực phẩm hữu cơ.

Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp quảng bá và tiêu thụ sản phẩm xanh, hỗ trợ các hoạt động xuất khẩu sản phẩm sạch ra thị trường quốc tế.

Cung cấp các thông tin, kiến thức về công nghệ sản xuất sạch, quy trình tiêu chuẩn quốc tế giúp các doanh nghiệp nâng cao năng suất và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Hỗ trợ nông dân và doanh nghiệp trong việc chuyển đổi mô hình nông nghiệp sang sản xuất hữu cơ, bền vững, giảm sử dụng hóa chất, phân bón, và bảo vệ tài nguyên đất và nước.

Xây dựng các chương trình khuyến nông nhằm hướng dẫn nông dân áp dụng công nghệ cao trong trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản, từ đó giảm thiểu tác động đến môi trường và nâng cao năng suất.

Khuyến khích các mô hình nông nghiệp công nghệ cao, đặc biệt trong sản xuất thực phẩm sạch và chế biến nông sản, đồng thời cung cấp các chính sách hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, và nông dân thực hiện sản xuất

bền vững.

4. Các sở, ban, ngành, địa phương, tổ chức chính trị - xã hội

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghề cho lao động trong các ngành nông nghiệp sạch, sản xuất công nghiệp xanh và du lịch sinh thái. Khuyến khích tạo việc làm bền vững cho lao động tại các doanh nghiệp thực hiện mô hình kinh doanh xanh, đặc biệt là ở khu vực nông thôn và các vùng khó khăn.

Tiếp tục phối hợp với các cơ quan truyền thông, Trang thông tin điện tử ngành Thuế, Trang thông tin điện tử Vĩnh Long, Zalo, Fanpage Thuế tỉnh,... thực hiện công tác tuyên truyền các chính sách mới có hiệu lực kịp thời để doanh nghiệp chủ động thực hiện tốt các nghĩa vụ về thuế theo quy định.

Tăng cường hợp tác với các Viện nghiên cứu, Trường đại học trong nghiên cứu khoa học, thử nghiệm công nghệ; đẩy mạnh kết nối cung cầu công nghệ để giới thiệu các thành tựu khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo. Tranh thủ tối đa sự hợp tác của Viện, Trường, các chương trình nhiệm vụ khoa học cấp quốc gia, từng bước thiết lập cơ sở dữ liệu khoa học công nghệ của tỉnh, kết nối kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và cộng đồng khoa học mở trong và ngoài nước.

Khuyến khích phát triển mô hình sản xuất nông nghiệp xanh, doanh nghiệp tại địa phương phát triển mô hình nông nghiệp hữu cơ, đặc biệt là các vùng nông sản chủ lực của xã, đồng thời khuyến khích sử dụng phân bón hữu cơ, hạt giống sạch và kỹ thuật canh tác bền vững.

Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp và HTX địa phương phát triển du lịch sinh thái gắn với việc bảo vệ thiên nhiên, cảnh quan và phát triển cộng đồng, giúp gia tăng giá trị sản phẩm du lịch và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

5. Các tổ chức Hiệp hội và Hội Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

Các tổ chức hiệp hội, hội doanh nghiệp tổ chức tuyên truyền và đào tạo cho các doanh nghiệp về lợi ích của việc áp dụng mô hình kinh doanh bền vững, như giảm chi phí năng lượng, tăng cường uy tín sản phẩm, và tiếp cận thị trường quốc tế.

Cung cấp dịch vụ tư vấn về các giải pháp sản xuất sạch, các tiêu chuẩn quốc tế về sản phẩm xanh, và hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc kết nối với các đối tác để phát triển các sản phẩm và dịch vụ bền vững.

Xây dựng các mạng lưới hợp tác giữa các doanh nghiệp, các tổ chức tài chính và cơ quan nhà nước để tạo ra một hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp xanh, thúc đẩy sự chuyển đổi sang các mô hình kinh doanh bền vững.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 08/02/2022 về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư

nhân kinh doanh bền vững của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2022 - 2025 và đề xuất xây dựng Chương trình giai đoạn 2026 - 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT.UBND tỉnh phụ trách;
- Sở Tài chính;
- CVP, PCVP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, NTDT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Văn Chính